

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:35/2026/HS-ST

Ngày 14/5/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đức Hiền

Ông Phan Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Ngọc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Tạ Ngôn Ngộ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2026/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026, vụ án được xét xử bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng, điểm cầu thành phần Nhà tạm giam tại phân trại tạm giam Đ, TP Đà Nẵng đối với bị cáo:

Trần Xuân T, Sinh năm 1988; Quê quán: xã H, thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: Thôn N, xã H, thành phố Đà Nẵng. Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Xuân C và bà Nguyễn Thị N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: Ngày 08/4/2026 bị Công an xã H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp phạt vào ngày 24/4/2026. Nhân thân: Năm 2018 bị TAND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (cũ), xử phạt 18 (mười tám) tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án HSST số 12/2018/HSST ngày 09/8/2018. Năm 2022 bị TAND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (cũ), xử phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án HSST số 09/2022/HSST ngày 25/01/2022. Bị cáo đã chấp hành xong hai bản án trên và thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2026 đến ngày 15/01/2026 chuyển sang tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam Đ, TP Đà Nẵng, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 09/01/2026, bị cáo T từ nhà tại thôn N, xã H đón xe buýt đến khu vực cầu vượt H thuộc phường C, thành phố Đà Nẵng chơi. Tại đây, bị cáo T gặp một người thanh niên không rõ họ tên, địa

chỉ đến hỏi bị cáo T có mua ma túy không thì bị cáo T đồng ý. Sau khi thống nhất, bị cáo T đưa cho người thanh niên 500.000 đồng để mua ma túy đá, loại Methamphetamine và người thanh niên đưa cho bị cáo T 02 đoạn ống nhựa trong suốt được bịt kín hai đầu bên trong chứa ma túy đá, cùng một bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm: 01 đầu khò tự chế, 01 nỏ thủy tinh, 01 nắp nhựa được đục 02 lỗ có gắn 02 ống hút nhựa màu trắng. Bị cáo T cất giấu ma túy và bộ D sử dụng vào trong túi áo khoác đang mặc rồi đón xe về đường Q thuộc địa phận xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, bị cáo T xuống xe đi bộ về nhà. Trên đường đi, bị cáo T vào khu nghĩa địa thuộc địa phận thôn V, xã H, thành phố Đà Nẵng, lấy một đoạn ống nhựa chứa ma túy đổ một ít ma túy vào bộ dụng cụ rồi sử dụng một mình. Số ma túy còn lại cùng với bộ dụng cụ bị cáo T cất lại vào túi áo khoác để dành về sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, bị cáo T nghỉ một lúc rồi tiếp tục đi bộ về nhà. Đến khoảng 02 giờ 20 phút ngày 10/01/2025, bị cáo T đi đến gần cầu K thuộc thôn V, xã H, thành phố Đà Nẵng thì bị Tổ công tác Đội CSGT đường bộ số C1, Công an thành phố Đ yêu cầu dừng lại kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện bị cáo T đang cất giấu 02 đoạn ống nhựa chứa chất ma túy loại Methamphetamine và bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bàn giao đối tượng cùng hồ sơ vụ việc, tang vật cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ các vật chứng sau: 02 (Hai) đoạn ống nhựa trong suốt, được bịt kín hai đầu, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, xác định là ma túy Methamphetamine, tổng khối lượng 0,339 gam; khối lượng được hoàn trả sau giám định là 0,223 gam, được đựng trong 01 bì thư bằng giấy và dán băng keo bên ngoài, ký hiệu mẫu A1 được niêm phong bằng dấu Kỹ thuật hình sự, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên ở các mép dán. 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy, gồm: 01 bật lửa màu đỏ, 01 đầu khò tự chế, 01 nỏ thủy tinh, 01 nắp nhựa màu trắng được đục hai lỗ có gắn 02 ống hút nhựa màu trắng, và 01 đoạn ống nhựa màu trắng dài 18,5 cm; 01 (Một) vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu của Trần Xuân T.

Tại Kết luận giám định số 103/KL-KTHS ngày 15/01/2026 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận: mẫu vật ký hiệu A1 và A2 là ma túy loại Methamphetamine, trong đó mẫu A1 có khối lượng 0,339 gam; không xác định được khối lượng mẫu A2 do mẫu ở dạng bám dính quá ít; đồng thời trong mẫu nước tiểu ký hiệu T của Trần Xuân T có tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSDNGKV ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), đề nghị xử phạt:

Bị cáo Trần Xuân T từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 02 (Hai) đoạn ống nhựa trong suốt, được bịt kín hai đầu, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, xác định là ma túy Methamphetamine, tổng khối lượng 0,339 gam; khối lượng được hoàn trả sau giám định là 0,223 gam, được đựng trong 01 bì thư bằng giấy và dán bằng keo bên ngoài, ký hiệu mẫu A1 được niêm phong bằng dấu Kỹ thuật hình sự, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên ở các mép dán. 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy, gồm: 01 bật lửa màu đỏ, 01 đầu khò tự chế, 01 nõ thủy tinh, 01 nắp nhựa màu trắng được đục hai lỗ có gắn 02 ống hút nhựa màu trắng, và 01 đoạn ống nhựa màu trắng dài 18,5 cm; 01 (Một) vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu của Trần Xuân T.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như quyết định truy tố của Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến gì về kết luận điều tra và quyết định truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, tại phiên tòa bị cáo T không có tranh luận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 03 giờ 15 phút ngày 10/01/2026, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 04 giờ 00 phút ngày 10/01/2026, thu giữ vật chứng, kết luận giám định số 103/KL-KTHS ngày 15/01/2026, lời khai của những người có liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Để có ma túy sử dụng bị cáo T từ nhà tại thôn N, xã H đón xe buýt đến khu vực cầu vượt H thuộc phường C, thành phố Đà Nẵng tại đây, bị cáo T gặp một người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ mua ma túy với giá 500.000 đồng loại Methamphetamine và người thanh niên đưa cho bị cáo T 02 đoạn ống nhựa trong suốt được bịt kín hai đầu bên trong chứa ma túy đá, cùng một bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm: 01 đầu khò tự chế, 01 nõ thủy tinh, 01 nắp nhựa được đục 02 lỗ có gắn 02 ống hút nhựa màu trắng. Bị cáo T cất giấu ma túy và bộ D sử dụng vào trong túi áo khoác đang mặc rồi đón xe về đường Q thuộc địa phận xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, bị cáo T xuống xe đi bộ về nhà. Trên đường đi, bị cáo T vào

khu nghĩa địa thuộc địa phận thôn V, xã H, thành phố Đà Nẵng, lấy một đoạn ống nhựa chứa ma túy đổ một ít ma túy vào bộ dụng cụ rồi sử dụng một mình. Số ma túy còn lại cùng với bộ dụng cụ bị cáo T cất lại vào túi áo khoác để dành về sử dụng. Đến khoảng 02 giờ 20 phút ngày 10/01/2025, bị cáo T đi đến gần cầu K thuộc thôn V, xã H, thành phố Đà Nẵng thì bị Tổ công tác Đội CSGT đường bộ số C1, Công an thành phố Đ yêu cầu dừng lại kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện bị cáo T đang cất giấu 02 đoạn ống nhựa chứa chất ma túy loại Methamphetamine và bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bàn giao đối tượng cùng hồ sơ vụ việc, tang vật cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Tại Kết luận giám định số 103/KL-KTHS ngày 15/01/2026 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận: mẫu vật ký hiệu A1 và A2 là ma túy loại Methamphetamine, trong đó mẫu A1 có khối lượng 0,339 gam; không xác định được khối lượng mẫu A2 do mẫu ở dạng bám dính quá ít; đồng thời trong mẫu nước tiểu ký hiệu T của Trần Xuân T có tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy có số thứ tự 247, mục IIC, danh mục II, phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định về danh mục các chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025). Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

[4.1] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo T cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song với nhu cầu của bản thân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm, bị cáo T mua ma túy chỉ để cho bản thân sử dụng với trọng lượng khi bị bắt quả tang là 0,339 gam, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy khác. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[4.2] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Năm 2018 bị TAND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (cũ), xử phạt 18 (mười tám) tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án HSST số 12/2018/HSST ngày 09/8/2018. Năm 2022 bị TAND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (cũ), xử phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án HSST số 09/2022/HSST ngày 25/01/2022. Bị cáo đã chấp hành xong hai bản án trên và thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Ngày 08/4/2026 bị Công an xã H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp phạt vào ngày 24/4/2026. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra truy tố bị cáo T đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; Bị cáo T bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2026 bị cáo được xem xét khâu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[6] Những vấn đề liên quan trong vụ án:

[6.1] Đối với người thanh niên bán ma túy cho Trần Xuân T1, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã áp dụng tất cả các biện pháp điều tra nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

[6.2] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, điều tra xác định Trần Xuân T không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), do đó, Cơ quan điều tra đã chuyển cho Công an xã H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

[7] Tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng về Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” HĐXX xét thấy, bị cáo T có nghề nghiệp là lao động phổ thông, thu nhập không ổn định, bản thân lại nghiện chất ma túy, nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Đối với đĩa DVD chứa dữ liệu ghi hình có âm thanh buổi hỏi cung bị cáo Trần Xuân T hiện đang lưu giữ theo hồ sơ, nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) tuyên tịch thu tiêu hủy một phong bì bằng giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, niêm phong bằng đóng dấu đỏ của phòng K - Công an thành

phố Đ và chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định viên và Điều tra viên. Bên trong có một nỏ thủy tinh, một vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu Trần Xuân T.

Một túi niêm phong ký hiệu PS31905873 đã niêm phong theo quy định và có chữ ký của những người tham gia niêm phong. Bên trong túi niêm phong có một bật lửa, một khò tự chế, một nắp chai nhựa màu trắng được đục hai lỗ tròn ở trên có gắn hai đoạn ống hút nhựa màu trắng và một đoạn ống hút nhựa màu trắng dài 18,5 cm.

Một phong bì bằng giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, ký hiệu mẫu A1 được niêm phong bằng dấu đỏ của phòng K, Công an thành phố Đ, có chữ ký Giám định viên và Điều tra viên ở các mép dán. Bên trong có một gói ni lông chứa 0,223 gam mẫu ký hiệu A1 và vỏ bao gói mẫu hoàn trả (Ma túy hoàn trả sau giám định).

(Vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 thành phố Đà Nẵng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2026).

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) đối với bị cáo Trần Xuân T. Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân T 04 (Bốn) năm tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 10/01/2026.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) tuyên tịch thu tiêu hủy một phong bì bằng giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, niêm phong bằng đóng dấu đỏ của phòng K - Công an thành phố Đ và chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định viên và Điều tra viên. Bên trong có một nỏ thủy tinh, một vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu Trần Xuân T.

Một túi niêm phong ký hiệu PS31905873 đã niêm phong theo quy định và có chữ ký của những người tham gia niêm phong. Bên trong túi niêm phong có một bật lửa, một khò tự chế, một nắp chai nhựa màu trắng được đục hai lỗ tròn ở trên có gắn hai đoạn ống hút nhựa màu trắng và một đoạn ống hút nhựa màu trắng dài 18,5 cm.

Một phong bì bằng giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, ký hiệu mẫu A1 được niêm phong bằng dấu đỏ của phòng K, Công an thành phố Đ, có chữ ký Giám định viên và Điều tra viên ở các mép dán. Bên trong có một gói ni lông chứa 0,223 gam mẫu ký hiệu A1 và vỏ bao gói mẫu hoàn trả (Ma túy hoàn trả sau giám định).

(Vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 thành phố Đà Nẵng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2026).

Về án phí Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Xuân T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Phòng HSNV CA.TP Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ, án văn.
- Thi hành án.



**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nam Trung